

**TRUNG TÂM THÔNG TIN – TỰ LIỆU**

**VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ TRUNG ƯƠNG**

-----

**PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN Ở VIỆT NAM:  
NGUYÊN NHÂN CỦA NHỮNG TỒN TẠI VÀ MỘT SỐ  
KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH**

**MỤC LỤC**

1. Tình hình phát triển của khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam.....	2
1.1. Số lượng và quy mô.....	2
1.2. Kết quả đạt được.....	4
1.3. Tồn tại, hạn chế.....	13
2. Nguyên nhân chủ yếu của những tồn tại, hạn chế.....	15
3. Một số khuyến nghị chính sách giúp phát triển kinh tế tư nhân.....	19

Phát triển kinh tế tư nhân lành mạnh, hiệu quả, bền vững, đã và đang thực sự trở thành một trong những động lực quan trọng nhất của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần cơ cấu lại nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng, đưa nền kinh tế phát triển nhanh, bền vững, đảm bảo an sinh xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Sự phát triển nhanh chóng của kinh tế tư nhân ở Việt Nam về cả số lượng và chất lượng, có sự đóng góp lớn từ những chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng và sự cải thiện chính sách, pháp luật của Nhà nước theo hướng tạo điều kiện tốt nhất cho phát triển kinh tế tư nhân. Tuy nhiên, theo nhiều phân tích, đánh giá trong và ngoài nước, hiện vẫn còn những tồn tại, hạn chế từ thể chế, cơ chế chính sách dẫn đến việc kinh tế tư nhân chưa thực sự được khuyến khích để phát triển và đóng góp đúng như kỳ. Trong chuyên đề này, sẽ tập trung phân tích một số kết quả chính đạt được; những tồn tại, hạn chế trong việc khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân, trên cơ sở đó đưa ra một số khuyến nghị, đề xuất nhằm chính sách nhằm góp phần tạo điều kiện để khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam phát triển đáp ứng kỳ vọng như các nghị quyết của Đảng đã đề ra, đặc biệt là các mục tiêu cụ thể tại Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII.

## **1. Tình hình phát triển của khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam**

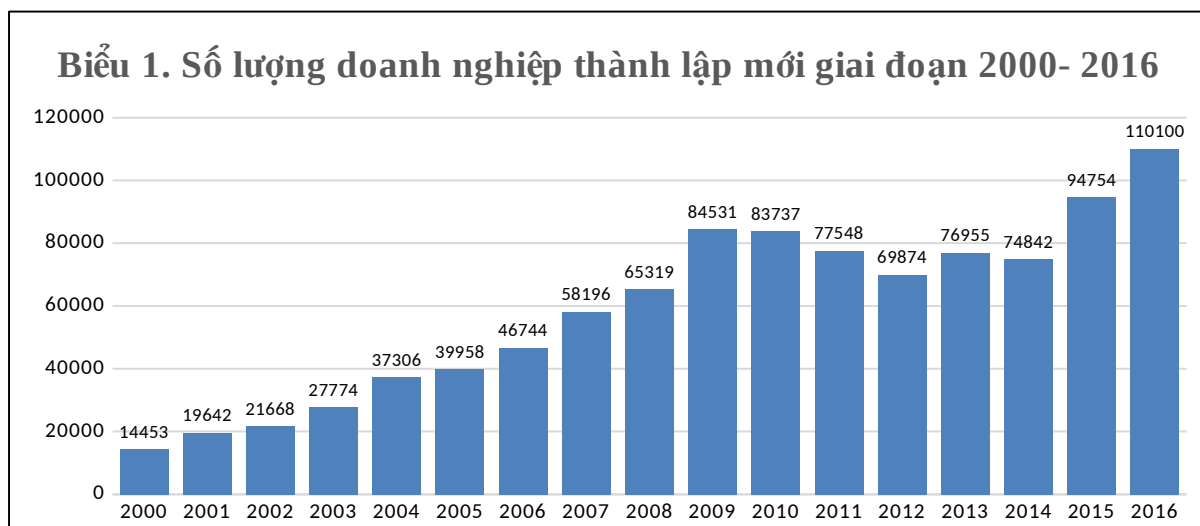
### **1.1. Số lượng và quy mô**

Theo Tổng cục Thống kê, kinh tế tư nhân ở nước ta bao gồm doanh nghiệp khu vực tư nhân và kinh tế cá thể (gồm hộ kinh doanh và cá nhân có hoạt động kinh doanh):

*- Doanh nghiệp khu vực tư nhân:*

Số doanh nghiệp thành lập mới hàng năm giai đoạn 2011-2015 là 79.000 doanh nghiệp, năm 2016 đạt 110.100 doanh nghiệp. Tính đến hết tháng 3 năm

2017, cả nước có khoảng 610.000 doanh nghiệp đang hoạt động, trong đó 68% trong ngành dịch vụ, 15,7% trong ngành chế biến, chế tạo, 13,7% trong ngành xây dựng và gần 1% số doanh nghiệp trong ngành nông, lâm, ngư nghiệp.



*Nguồn: Cục Quản lý đăng ký kinh doanh*

Tỷ lệ số doanh nghiệp trên 1 vạn dân đã tăng từ 4,5 doanh nghiệp năm 2000 lên 12,8 doanh nghiệp năm 2010 và hiện nay là 43 doanh nghiệp.

Năm 2015, doanh nghiệp khu vực tư nhân có tổng giá trị tài sản là trên 9,5 triệu tỷ đồng. Tổng số lao động có hợp đồng là trên 7 triệu người

*- Hộ kinh doanh cá thể phi nông nghiệp:*

Năm 2016 cả nước có gần 4,91 triệu hộ kinh doanh cá thể phi nông nghiệp, tập trung ở Đồng bằng sông Hồng (khoảng 26%), Trung bộ (khoảng 23%), Đông nam bộ và Đồng bằng sông Cửu Long (khoảng 37%).

Hộ kinh doanh cá thể phi nông nghiệp có tổng nguồn vốn kinh doanh đạt trên 655 nghìn tỷ đồng, trung bình đạt 150 triệu đồng/hộ. Tổng số lao động có trên 8 triệu người, trung bình 1,68 người/hộ. Phần lớn các hộ kinh doanh cá thể phi nông nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực thương mại, dịch vụ (chiếm 81,2%), phần còn lại 18,8% hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng.

*- Hộ trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản:*

Cuối năm 2016, có khoảng 9,32 triệu hộ (gia đình), trong đó khu vực nông

thôn chiếm 92,4%. Ngoài ra, cả nước hiện có 33.488 trang trại, trong đó trang trại trồng trọt chiếm 27,5%, trang trại chăn nuôi chiếm 62,4%, trang trại lâm nghiệp chiếm 0,3%, trang trại nuôi trồng thủy sản chiếm 7% và trang trại tổng hợp chiếm 2,8%.

## **1.2. Kết quả đạt được**

*a) Sự thay đổi trong quan điểm, nhận thức về vai trò và sự cần thiết đối với phát triển kinh tế tư nhân*

- Từ sau Đại hội VI của Đảng, kinh tế tư nhân từ chỗ bị hạn chế phát triển từng bước được chấp nhận và đến nay được coi là một động lực của nền kinh tế (Nghị quyết của Đại hội XII). Quá trình thay đổi quan điểm phát triển kinh tế tư nhân được thể hiện rõ ràng hơn trong các văn kiện, nghị quyết của Đảng trong các kỳ đại hội.

Để cụ thể hóa quan điểm, chủ trương và nhiệm vụ về khuyến khích, tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 5 khóa XII đã ban hành Nghị quyết về “phát triển kinh tế tư nhân” trong đó đưa ra nhiều giải pháp lớn quan trọng, cụ thể nhằm giải quyết những nút thắt, điểm nghẽn trong phát triển kinh tế tư nhân trong giai đoạn tới.

*b) Khung pháp luật cho phát triển kinh tế nói chung và kinh tế tư nhân ngày càng được hoàn thiện tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân phát triển*

- Sự thay đổi được thể hiện trong Hiến pháp: (i) công nhận nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa với các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh đa dạng dựa trên chế độ sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân; (ii) sở hữu toàn dân và tập thể vẫn là nền tảng; (iii) “Kinh tế cá thể, kinh tế tư bản tư nhân được chọn hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh, được thành lập doanh nghiệp không bị hạn chế về quy mô hoạt động trong những ngành, nghề có lợi cho quốc kế dân sinh.”; (iv) “Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước, đều bình đẳng trước pháp luật, vốn và tài sản

hợp pháp được Nhà nước bảo hộ.”; và (v) Tài sản hợp pháp của cá nhân, tổ chức không bị quốc hữu hóa (Hiến pháp 1992).

Hiến pháp năm 2013: (i) “kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo”; (ii) khuyến khích, tạo điều kiện để doanh nhân, doanh nghiệp và cá nhân, tổ chức khác đầu tư, sản xuất, kinh doanh; phát triển bền vững các ngành kinh tế, góp phần xây dựng đất nước; (iii) Nhà nước xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, điều tiết nền kinh tế trên cơ sở tôn trọng các quy luật thị trường; thúc đẩy liên kết kinh tế vùng, bảo đảm tính thống nhất của nền kinh tế quốc dân; (iv) Tài sản hợp pháp của cá nhân, tổ chức đầu tư, sản xuất, kinh doanh được pháp luật bảo hộ và không bị quốc hữu hóa.

- Khung pháp luật và chính sách đối với kinh tế tư nhân đã và đang ngày càng được xây dựng và dần hoàn thiện nhằm tạo điều kiện để khu vực này phát triển đúng với tiềm năng cũng như kỳ vọng và từng bước đảm bảo được vai trò là “một động lực quan trọng” của nền kinh tế:

Luật doanh nghiệp ra đời năm 1999 là bước đầu tiên trong việc hình thành một trong những khung pháp luật quan trọng nhất đối với tổ chức hoạt động của hình thức kinh doanh chính thức, các doanh nghiệp. Tiếp đó, Luật này đã được thay thế vào các năm 2005 và gần nhất là 2014 trong đó xác định là khung pháp luật chung cho tất cả các tổ chức kinh doanh dưới hình thức doanh nghiệp. Luật doanh nghiệp mới ra đời không chỉ là sự bổ sung, sửa đổi các quy định cũ để phù hợp với điều kiện phát triển mới mà còn mang đến nhiều thay đổi lớn. Luật mới đã thống nhất các quy định về thành lập, tổ chức và quản lý các doanh nghiệp, gần như không còn sự phân biệt là doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước hay sở hữu tư nhân về phương diện tổ chức quản trị. Luật doanh nghiệp cũng là một bước tiếp tục minh bạch và đơn giản hóa quy trình thành lập doanh nghiệp tạo điều kiện để rút ngắn thời gian và chi phí thành lập doanh nghiệp. Các quy định về điều kiện kinh doanh cũng tiếp tục được rà soát và loại bỏ những điều kiện không còn phù hợp, gây cản trở hoạt động kinh doanh.

- Trên cơ sở các quy định của luật khung, Chính phủ và các cơ quan có thẩm

quyền cũng đã ban hành nhiều văn bản, chính sách cụ thể hóa, hướng dẫn thực thi các quy định của từng luật để triển khai thực hiện, cụ thể:

- Quốc hội gần đây cũng đã thông qua Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (Luật số 04/2017/QH14- trước đây được quy định tại Nghị định số 56/2009/NĐ-CP về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa). Luật mới ban hành nhằm mục tiêu khuyến khích, hỗ trợ đối với các doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa, nhóm có vai trò quan trọng đối với sự phát triển và duy trì sự ổn định của nền kinh tế, chiếm phần lớn trong khu vực doanh nghiệp của tư nhân nhưng lại gặp nhiều khó khăn do đặc tính quy mô.

+ Nghị quyết 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020. Nghị quyết đã đặt ra các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 mà đối tượng chủ yếu là các chủ thể kinh tế của kinh tế tư nhân. Các nhiệm vụ và giải pháp được đưa ra gắn với trách nhiệm cụ thể của từng bộ, ngành, địa phương. Những giải pháp chính như: (1) Cải cách hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp; (2) Tạo dựng môi trường thuận lợi hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo; (3) Bảo đảm quyền kinh doanh, quyền bình đẳng tiếp cận nguồn lực và cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp; (4) Giảm chi phí kinh doanh cho doanh nghiệp; (5) Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp.

+ Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP (trước đó là các nghị quyết 19/NQ-CP năm 2014, số 19/NQ-CP năm 2015 và số 19-2016/NQ-CP) tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020.

Khung pháp luật, chính sách được hoàn thiện đã đem lại những kết quả:

- Đã hình thành khung pháp luật chung, thống nhất về thành lập, tổ chức và hoạt động của các hình thức tổ chức kinh doanh áp dụng đối với mọi tổ chức kinh doanh không phân biệt về hình thức sở hữu và ngày càng tiệm cận với quy định, quy tắc chung của quốc tế (Luật doanh nghiệp, Luật cạnh tranh, Luật đầu tư,...).

- Quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh của cá nhân và tổ chức được thể chế

hóa để nhằm bảo vệ cho nhà đầu tư.

- Về cơ bản, kinh tế tư nhân được tự do cạnh tranh và đối xử bình đẳng hơn theo pháp luật với kinh tế nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Sự phân biệt, đối xử trong tiếp cận các nguồn lực và hỗ trợ của Nhà nước đối với kinh tế tư nhân dần được dỡ bỏ.

- Tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân cũng được hình thành và ngày càng được bổ sung, hoàn thiện, nhờ đó:

+ Chính sách về thuế đã được đổi mới toàn diện hơn theo cơ chế thị trường, tiếp cận dần với tiêu chuẩn quốc tế. Công nghệ thông tin được ứng dụng tạo điều kiện thuận lợi hơn trong quan hệ của tổ chức kinh doanh thuộc khu vực kinh tế tư nhân với cơ quan thuế làm giảm thời gian và chi phí cho tổ chức kinh doanh nói riêng và toàn xã hội nói chung.

+ Hỗ trợ về tín dụng (chính sách bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa); các chính sách về khuyến công, hỗ trợ tiếp cận mặt bằng sản xuất, hỗ trợ thuế, hỗ trợ lãi suất,... cũng được triển khai trong thời gian qua.

+ Doanh nghiệp thuộc kinh tế tư nhân cũng được tiếp cận thị trường vốn thuận lợi thông qua sự phát triển của thị trường chứng khoán với ngày càng nhiều doanh nghiệp được niêm yết trên sàn chứng khoán.

+ Các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh thuộc kinh tế tư nhân cũng nhận được hỗ trợ đào tạo đối với các nhà quản lý cũng như người lao động thông qua các chương trình hỗ trợ. Các chương trình này có thể được thực hiện trực tiếp bởi các cơ quan nhà nước hoặc bởi các tổ chức, hiệp hội nghề nghiệp (Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam,...).

+ Các hỗ trợ về khoa học, công nghệ như hỗ trợ nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ; tạo điều kiện để thương mại các kết quả nghiên cứu khoa học; tăng khả năng liên kết giữa các doanh nghiệp và các cơ sở nghiên cứu, các trường đại học; hình thành Quỹ khoa học công nghệ quốc gia theo hình thức hợp tác công – tư với ngân sách từ Nhà nước gần 1.500 tỷ đồng và Quỹ đổi mới công

nghệ quốc gia với ngân sách trên 300 tỷ đồng.

+ Các hỗ trợ về mở rộng và phát triển thị trường thông qua các hoạt động về hỗ trợ xuất khẩu, tổ chức các hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước, chương trình khuyến khích người Việt Nam dùng hàng Việt Nam, chương trình đưa sản phẩm của doanh nghiệp Việt Nam đến các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia theo từng giai đoạn nhằm hỗ trợ kinh phó cho các doanh nghiệp, chủ yếu là của tư nhân tiếp cận và mở rộng thị trường xuất khẩu cũng như thị trường trong nước,...

Hỗ trợ tham gia mua sắm, cung ứng dịch vụ công với ưu tiên chọn các nhà thầu là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, đặc biệt là đối với các gói mua sắm có giá trị không lớn. Có chính sách để các nhà thầu chính ưu tiên sử dụng các nhà thầu phụ là các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

+ Các hoạt động cung cấp thông tin, tư vấn cho doanh nghiệp về pháp lý, về thị trường,...

- Quản lý nhà nước đối với kinh tế tư nhân từng bước được điều chỉnh để phù hợp hơn với yêu cầu của quản lý trong nền kinh tế thị trường. Cải cách hành chính được đẩy mạnh theo hướng chuyển từ quản lý “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”; chất lượng dịch vụ hành chính công ngày càng được cải thiện, giảm bớt thủ tục phiền hà cũng như chi phí cho người dân và doanh nghiệp. Thủ tục hành chính được cải thiện theo hướng ngày càng đơn giản và công khai trên nhiều lĩnh vực liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của kinh tế tư nhân như cấp giấy phép, đất đai, ... Mỗi quan hệ giữa Nhà nước với doanh nghiệp ngày càng có “trách nhiệm hơn” và giảm dần tình trạng gây phiền hà cho doanh nghiệp.

Việc phân công, phân cấp đã được đẩy mạnh, nhất là trong việc giải quyết các thủ tục hành chính, quản lý dịch vụ công. Nhiều dịch vụ công trước đây chỉ do cơ quan nhà nước đảm nhiệm như công chứng, cấp chứng chỉ, điều kiện, thì hiện nay đã cho phép khu vực tư nhân tham gia. Nhờ vậy, đã tạo điều kiện cho chất lượng các dịch vụ này được cải thiện, đặc biệt là nâng cao trách nhiệm và giảm thời gian cung cấp dịch vụ đáng kể.



- Quy hoạch ngành, lĩnh vực được thực hiện công khai, minh bạch hơn, tạo cơ hội cho chủ thể kinh tế tư nhân tiếp cận được thông tin và góp phần làm tăng hiệu quả của quá trình ra quyết định trong quá trình hoạt động kinh doanh.

- Các hình thức thông tin giữa Nhà nước và các chủ thể kinh tế, đặc biệt là các chủ thể của kinh tế tư nhân ngày càng đa dạng và hiệu quả thông qua các hình thức đối thoại trực tiếp cũng như qua các phương tiện truyền thông, mạng. Các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh ngày càng có nhiều cơ hội để đề xuất, phản ánh các kiến nghị, vấn đề vướng mắc đối với các cơ quan có liên quan. Việc tham gia của các chủ thể kinh tế tư nhân vào quá trình xây dựng và ban hành chính sách ngày càng sâu hơn và có hiệu quả hơn. Hàng năm, Thủ tướng Chính phủ cũng như chính quyền nhiều địa phương đã tổ chức các cuộc gặp mặt định kỳ với doanh nghiệp, các tổ chức kinh doanh để lắng nghe ý kiến, trao đổi nhằm có thông tin sát thực góp phần vào quá trình xây dựng và hoàn thiện quy định, chính sách nhằm hỗ trợ có hiệu quả hơn đối với quá trình phát triển kinh doanh của cộng đồng kinh doanh cả nước.

- Việc biểu dương, tôn vinh đối với các tổ chức kinh doanh của kinh tế tư nhân đã có những cải thiện và hiệu quả của hoạt động này ngày càng được thể hiện. Ngày 13-10 hàng năm đã được chọn là ngày “Doanh nhân Việt Nam” nhằm tôn vinh những nhà kinh doanh có đóng góp lớn cho sự phát triển của kinh tế nước nhà cũng như đóng góp với cộng đồng. Sự ra đời này thể hiện sự đánh giá cao, sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với các doanh nhân nói chung và các doanh nhân, trong đó có các doanh nhân của kinh tế tư nhân. Hoạt động này đã tạo thêm nguồn sinh khí mới cũng như động lực to lớn đối với đội ngũ doanh nhân, đặc biệt là các doanh nhân có tâm huyết và muốn cống hiến và thể hiện năng lực của mình.

- Cơ chế thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước đối với chủ thể kinh tế tư nhân đã có bước cải thiện nhất định, từng bước khắc phục tình trạng thanh tra, kiểm tra chồng chéo, gây phiền hà, khó khăn cho doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh.

- Hoạt động chống buôn lậu, gian lận thương mại cũng dần được chú trọng tạo điều kiện lành mạnh hóa môi trường kinh doanh, tăng tính cạnh tranh của thị

trường.

- Sự tham gia và vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội-nghề nghiệp, tổ chức ngành nghề ngày càng tăng, đặc biệt là vai trò bảo vệ quyền lợi hợp pháp của thành viên; vai trò kết nối giữa các thành viên/hội viên với nhau cũng như giữa các thành viên trong tổ chức, hiệp hội với cơ quan nhà nước có liên quan. Bên cạnh đó, nhiều tổ chức, hiệp hội đã xây dựng và triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ đối với các thành viên của mình mang lại hiệu quả nhất định, ví dụ hoạt động hỗ trợ đào tạo, hỗ trợ thông tin, hỗ trợ pháp lý,...

*c) Kinh tế tư nhân ngày càng có đóng góp quan trọng trong tăng trưởng, phát triển kinh tế, huy động các nguồn lực xã hội cho sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển, cơ cấu lại nền kinh tế, đóng góp lớn vào ngân sách nhà nước, tạo việc làm, đảm bảo an sinh xã hội và tăng cường quốc phòng, an ninh.*

Khu vực kinh tế tư nhân (gồm các doanh nghiệp ngoài nhà nước và hộ kinh doanh cá thể) là nhóm có tỷ trọng cao nhất trong GDP. Sự tăng lên trong tỷ trọng GDP của khu vực kinh tế tư nhân giai đoạn những năm đầu thế kỷ 21 đã bù đắp cho sự giảm đi tỷ trọng của kinh tế nhà nước một phần do sắp xếp, cải cách của khu vực doanh nghiệp nhà nước.

Kinh tế tư nhân đã huy động được nguồn lực ngày càng tăng cho đầu tư sản xuất kinh doanh.

Khu vực kinh tế tư nhân (gồm các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp) thu hút, tạo việc làm cho lực lượng lớn lao động trong nền kinh tế, chiếm khoảng gần 29% tổng số lao động. Nếu xét riêng trong khu vực doanh nghiệp, các doanh nghiệp ngoài quốc doanh thu hút gần 60% lực lượng lao động. Lao động làm việc trong các doanh nghiệp dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn tăng lên cả về số tuyệt đối cũng như tỷ trọng so với tổng số lao động làm việc trong khu vực doanh nghiệp. Khu vực kinh tế tư nhân đã và đang trở thành khu vực thu hút việc làm mới ổn định và quan trọng nhất trong nền kinh tế trong nhiều năm qua.

*d) Khu vực kinh tế tư nhân tăng nhanh về số lượng, đặc biệt là khu vực doanh nghiệp; hoạt động trên hầu hết các ngành, lĩnh vực và địa bàn; đã có một số tập đoàn kinh tế tư nhân quy mô lớn, hoạt động đa ngành được hình thành với năng lực cạnh tranh đáng kể trên thị trường, kể cả trong nước và quốc tế cũng như năng lực quản trị hiện đại.*

Khu vực kinh tế tư nhân nói chung và doanh nghiệp thuộc kinh tế tư nhân nói riêng hiện đang hoạt động ở hầu hết các lĩnh vực, ngành nghề, kể cả một số lĩnh vực mà trước đây chỉ có các doanh nghiệp nhà nước hay doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mới có khả năng tham gia như công nghệ thông tin, công nghiệp nặng, dịch vụ tài chính ngân hàng,... Đã hình thành một số tập đoàn kinh tế tư nhân, doanh nghiệp quy mô lớn hoạt động trong các lĩnh vực đòi hỏi năng lực về vốn và công nghệ cao như chế biến, chế tạo, điện tử, dịch vụ tài chính- ngân hàng,... như Vinamilk, Công ty cổ phần ô tô Trường Hải, Tập đoàn Massan, Tập đoàn Hòa Phát, Công ty cổ phần FPT, Công ty cổ phần đầu tư Thế giới di động, Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn,... Sự lớn mạnh này đã tạo điều kiện để sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước, đặc biệt là đối với các tập đoàn, tổng công ty lớn.

Hoạt động đầu tư của kinh tế tư nhân dần được cải thiện và đóng góp lớn vào đầu tư toàn xã hội. Với vị thế ngày càng cao, khả năng tiếp cận vốn và hiệu quả sử dụng được cải thiện đã tạo điều kiện để khu vực kinh tế tư nhân chiếm tỷ trọng đầu tư ngày càng lớn trong tổng đầu tư toàn xã hội và đang trở thành động lực cho phát triển kinh tế.

*đ) Hiệu quả hoạt động của khu vực kinh tế tư nhân, đặc biệt là khu vực doanh nghiệp đã đạt những kết quả khả quan.*

Mặc dù thống kê mô tả chỉ ra rằng, phần lớn các chỉ tiêu hiệu quả (tỷ suất lợi nhuận trên vốn, tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản, tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu, vòng quay vốn) của các doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân thấp hơn các khu vực doanh nghiệp nhà nước và khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, khi sử dụng mô hình về ảnh hưởng của hình thức sở hữu đến hiệu quả của

TRUNG TÂM THÔNG TIN – TƯ LIỆU 2017 11

doanh nghiệp<sup>1</sup> thì kết quả cho thấy các doanh nghiệp thuộc nhóm có loại hình sở hữu thuộc khu vực tư nhân có hiệu quả (ROA) cao hơn so với nhóm các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Kết quả cũng chỉ ra rằng khả năng tạo việc làm của các doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân cao hơn so với hai nhóm doanh nghiệp còn lại.

*e) Sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân, đặc biệt là khu vực doanh nghiệp đã tạo điều kiện để thúc đẩy quá trình sắp xếp, cải cách khu vực doanh nghiệp nhà nước.*

Với việc năng lực của khu vực kinh tế tư nhân đã không ngừng được nâng lên, về quy mô và lĩnh vực hoạt động như đã nêu ở trên đã tạo điều kiện thúc đẩy quá trình sắp xếp, đổi mới khu vực doanh nghiệp nhà nước trong thời gian qua, đặc biệt là sắp xếp, đổi mới đối với các tập đoàn, tổng công ty nhà nước. Gần đây đã có một số tập đoàn, tổng công ty nhà nước thực hiện việc cổ phần hóa như: Tập đoàn Dệt may Việt Nam, Tổng công ty Hàng không Việt Nam và sắp tới có thể là những tập đoàn lớn hơn như Tập đoàn Dầu khí quốc gia, Tập đoàn Điện lực, Tập đoàn Than-Khoáng sản,...

Việc được phép và có khả năng tham gia ngày càng mạnh vào lĩnh vực cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích (chiếu sáng đô thị, cấp nước, thoát nước, vệ sinh môi trường, tư vấn,...), khu vực mà trước đây được mặc định là chỉ do các doanh nghiệp nhà nước nắm giữ đã tạo điều kiện cho việc sắp xếp, đổi mới đối với các doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong các lĩnh vực này. Kết quả đã đạt được mới chỉ là bước khởi đầu, với năng lực, khả năng tham gia cũng như mong muốn tham gia ngày càng cao thì quá trình sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp nhà nước ở các khu vực này được đẩy mạnh hơn trong giai đoạn tới.

*g) Tinh thần kinh doanh và trách nhiệm của doanh nghiệp, doanh nhân đối với xã hội, đạo đức, văn hóa kinh doanh cũng đang ngày càng được nâng cao. Một số mô hình quản trị hiện đại đã được áp dụng tại các doanh nghiệp thuộc khu vực*

---

<sup>1</sup> Báo cáo của Hội đồng Lý luận Trung ương về “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn cốt yếu về phát triển kinh tế tư nhân ở Việt Nam”, tháng 02/2017.

tư nhân, nhất là tại các doanh nghiệp có quy mô lớn, hoạt động trên phạm vi khu vực và toàn cầu như FPT, VinGroup, Hòa Phát, Vinamilk,...

### **1.3. Tôn tại, hạn chế**

Mặc dù phát triển kinh tế tư nhân trong thời gian qua đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, tuy nhiên, vẫn còn những tồn tại, hạn chế rất cơ bản, cụ thể:

*Một là, tỷ trọng đóng góp vào GDP gần như không đổi, tốc độ tăng trưởng của kinh tế tư nhân có xu hướng giảm.*

Tỷ lệ đóng góp vào GDP của kinh tế tư nhân gần như không thay đổi trong hơn 10 năm qua, duy trì ở mức 39-40% (trong đó kinh tế cá thể là khoảng hơn 31-32%, doanh nghiệp là 7-8%). Tốc độ tăng trưởng hằng năm của kinh tế tư nhân chỉ đạt khoảng 7,5%/năm trong giai đoạn 2011- 2015 so với mức 11,9% giai đoạn 2003-2010.

*Hai là, kinh tế tư nhân có quy mô còn nhỏ, phát triển chậm.*

Động lực tăng trưởng của kinh tế tư nhân chủ yếu vẫn dựa vào kinh tế cá thể với các hộ kinh doanh cá thể và hộ kinh tế gia đình có quy mô nhỏ và siêu nhỏ. Trong khu vực doanh nghiệp, tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm trên 97% và có đến trên 90% có quy mô vốn dưới 1 tỷ đồng.

Quy mô trung bình của doanh nghiệp khu vực tư nhân chỉ đạt 24,7 tỷ đồng, trong khi DNNN là 2050 tỷ đồng, doanh nghiệp FDI là 186,6 tỷ đồng.

Trên thực tế đã có một số tập đoàn kinh tế tư nhân lớn như VinGroup, Ma San, Hoàng Anh Gia Lai, Vinamilk, Hòa Phát, FPT, Tân Tạo, Trường Hải, FLC, Đại Dương.v.v. Nhiều doanh nghiệp trong số này xuất thân từ DNNN cổ phần hóa. Tuy vậy, xét về quy mô tổng giá trị tài sản sổ sách, các tập đoàn kinh tế tư nhân này vẫn nhỏ so với quy mô trung bình của DNNN và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Trong danh sách 50 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2016 theo tiêu chí doanh thu,<sup>2</sup> chỉ có 10 doanh nghiệp khu vực tư nhân (không có cổ phần chi phối của Nhà nước), trong đó doanh nghiệp lớn nhất là Công ty cổ phần Ô tô Trường Hải xếp thứ 21.

Nhiều tập đoàn lớn của kinh tế tư nhân có quy mô và hiệu quả cao hơn doanh nghiệp tư nhân khác nhờ dựa trên khai thác lợi thế đất đai và tận dụng cơ chế chính sách ngắn hạn của Nhà nước để tìm kiếm lợi nhuận, điển hình là trong ngành xây dựng và kinh doanh bất động sản<sup>3</sup>.

*Ba là, hiệu quả kinh doanh và sức cạnh tranh chậm cải thiện*, thể hiện ở những mặt sau đây:

- Năng suất lao động của kinh tế tư nhân còn thấp, chỉ bằng một nửa năng suất lao động chung của nền kinh tế, thấp hơn nhiều so với khu vực nhà nước và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài<sup>4</sup>. Xét riêng trong các doanh nghiệp có đăng ký, năng suất lao động bình quân năm 2015 đạt 281,4 triệu đồng/lao động, trong đó DNNN đạt 732,5 triệu đồng/lao động, doanh nghiệp FDI đạt 317,4 triệu đồng/lao động, doanh nghiệp khu vực tư nhân chỉ đạt 168,2 triệu đồng/lao động.

- Tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp khu vực tư nhân chưa cao<sup>5</sup>.

- Trình độ công nghệ và năng lực đổi mới sáng tạo còn thấp. Theo Báo cáo Thường niên doanh nghiệp của VCCI, phần lớn doanh nghiệp khu vực tư nhân sử dụng công nghệ lạc hậu và phụ thuộc vào nhập khẩu; đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ chiếm 3% doanh thu; chỉ có 0,005% số doanh nghiệp có sáng kiến khoa học. Kết quả điều tra đổi mới kỹ thuật công nghệ đối với 8.000 doanh nghiệp ngành

---

<sup>2</sup> Do Công ty Cổ phần Vietnam Report và Báo Vietnamnet thực hiện.

<sup>3</sup>Trong số 30 tập đoàn tư nhân lớn nhất đã niêm yết, các tập đoàn xây dựng - kinh doanh bất động sản chỉ chiếm 26% về số lượng (năm 2014), nhưng nắm giữ 38% về vốn chủ sở hữu và 49% về tổng giá trị tài sản; ROA đạt 91% và ROE gần 30% - cao nhất trong các ngành hoạt động.

<sup>4</sup> Theo số liệu của Tổng cục Thống kê năm 2015, năng suất lao động khu vực FDI đạt 368 triệu đồng, khu vực Nhà nước đạt 258,9 triệu đồng, kinh tế tư nhân là 44,5 triệu đồng.

<sup>5</sup> Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản của doanh nghiệp khu vực tư nhân trong giai đoạn 2007- 2015 dao động từ 3% đến 6,5%, thấp hơn so với khu vực DNNN (đạt 6-7,5%) và doanh nghiệp FDI (đạt 11,5-13%). Tương tự, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu chỉ đạt 6-12% trong khi doanh nghiệp FDI là 22,5- 24% và DNNN là 14-16%.

công nghiệp chế biến, chế tạo giai đoạn 2009- 2013 cho thấy, chỉ có 8% số doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu đầu tư đổi mới kỹ thuật công nghệ.

- Trình độ lao động còn hạn chế, chủ yếu là lao động phổ thông, tỷ lệ lao động chuyên môn còn thấp<sup>6</sup>.

- Khả năng chống chịu với tác động bên ngoài kém, nhất là qua các cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chính tiền tệ, số doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động còn lớn<sup>7</sup>.

## **2. Nguyên nhân chủ yếu của những tồn tại, hạn chế**

Bên cạnh nguyên nhân thuộc về năng lực nội tại của kinh tế tư nhân, có một phần lớn nguyên nhân từ thể chế, cơ chế chính sách phát triển của Nhà nước, cơ bản gồm 03 nhóm vấn đề sau đây:

*Một là, chưa thống nhất cao trong nhận thức về vai trò của kinh tế tư nhân.*

Đến nay vẫn chưa thực sự có sự đồng thuận, thống nhất cao trong nhận thức của hệ thống chính trị đối với vai trò của kinh tế tư nhân cho đúng với vị trí vốn có của thành phần kinh tế này. Có nơi, có lúc vẫn còn những băn khoăn về việc phát triển kinh tế tư nhân sẽ ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Hiện tượng phân biệt đối xử, đặc biệt là trong hành động của một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức đã ảnh hưởng đến sự phát triển của kinh tế tư nhân.

*Hai là, khung pháp luật và cơ chế chính sách còn nhiều bất cập, chưa khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển.*

Pháp luật về kinh doanh còn chồng chéo, không rõ ràng, thiếu đồng bộ nên chưa thực sự tạo thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của các chủ thể kinh tế tư nhân, điển hình là hệ thống quy định về ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Theo

---

6 Theo kết quả điều tra 100 doanh nghiệp tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh 2015, tỷ lệ lao động chuyên môn chỉ chiếm 7%. Năm 2013 có tới 45,4% số lao động được tuyển mới không có kỹ năng theo yêu cầu, trong khi đó con số này của năm 2015 là 47,8%.

7 Năm 2016, số doanh nghiệp tạm ngừng không đăng ký hoặc chờ giải thể là 40750 doanh nghiệp, năm 2015 là 55742 doanh nghiệp và đều là doanh nghiệp khu vực tư nhân.



đánh giá của Ngân hàng Thế giới, chất lượng thể chế của Việt Nam nằm ở nhóm thấp với điểm số 35,1/100 năm 2016 và chỉ số này không có sự thay đổi đáng kể trong suốt gần 15 năm qua (năm 2003, điểm số của Việt Nam là 29,6/100). Cũng theo Ngân hàng Thế giới, hiệu lực pháp luật đã có những cải thiện đáng kể từ mức điểm số 32/100 năm 2002 lên mức 57,2/100 năm 2016, tuy nhiên đây vẫn là mức thấp so với một số quốc gia trong khu vực như Singapore, Malaysia hay Brunei.

*Ba là, công tác tổ chức thực hiện và thực thi chính sách thành phần kinh tế chưa tốt, chưa hiệu quả làm cản trở sự phát triển của kinh tế tư nhân.*

- Sự phân biệt đối xử bất hợp lý đối với kinh tế tư nhân vẫn diễn ra trên thực tế, làm thiên lệch quan hệ cạnh tranh trên thị trường, không tạo động lực để kinh tế tư nhân phát triển. Điển hình là những ưu đãi cho doanh nghiệp nhà nước đã làm giảm cơ hội của kinh tế tư nhân trong tiếp cận các nguồn lực cần thiết cho phát triển kinh doanh<sup>8</sup>.

Trên thực tế nhà đầu tư tư nhân trong nước rất khó khởi sự kinh doanh trong ngành kinh doanh có điều kiện mà DNNN đang giữ độc quyền, thống lĩnh hoặc chi phối như điện lực, viễn thông, xăng dầu, khai thác tài sản thuộc sở hữu toàn dân (khoáng sản, tài nguyên), tài chính, tín dụng... Có ý kiến phản ánh, điều kiện kinh doanh quy định trong pháp luật chỉ phù hợp và chỉ có các doanh nghiệp nhà nước quy mô lớn mới đáp ứng được, không phù hợp với doanh nghiệp tư nhân mới thành lập, đặc biệt các điều kiện về quy mô, kinh nghiệm, cơ sở vật chất.

- Quản lý nhà nước về kinh tế còn nhiều bất cập, thiếu hiệu lực, hiệu quả. Cơ chế xin- cho chưa bị loại bỏ triệt để. Theo Ngân hàng Thế giới, năm 2016 điểm số hiệu quả của chính quyền của Việt Nam đạt 52,9/100 điểm, có sự tăng lên so với mức 47,3/100 điểm năm 2006 nhưng lại giảm so với năm 2015

---

<sup>8</sup>Khu vực DNNN hiện đang sử dụng 70% đất đai và 70% viện trợ phát triển chính thức ODA trong khu vực sản xuất kinh doanh; được giao quản lý, khai thác các nguồn tài nguyên quan trọng; thống lĩnh hoặc độc quyền ngành năng lượng; chi phối ngành viễn thông; được đặc quyền cung cấp hầu hết các sản phẩm, dịch vụ công thiết yếu và dịch vụ hạ tầng...DNNN còn hưởng nhiều hình thức hỗ trợ chính sách khác như ưu tiên trong tiếp cận các khoản vay với lãi suất thấp; được hỗ trợ khi gặp khó khăn, xem xét miễn, giảm, hoãn, xóa thuế; được bảo lãnh vay, hoặc nhiều trường hợp khi không trả được nợ thì Nhà nước đứng ra chịu trách nhiệm trả.



(55,3/100 điểm) và vẫn ở mức điểm trung bình thể hiện trình độ quản trị thấp, kém hiệu quả.

Một bộ phận cán bộ, công chức thể hiện sự thờ ơ, vô cảm, thiếu trách nhiệm, không coi các chủ thể kinh tế là đối tượng phục vụ mà tìm cách hạch sách, gây nhiễu nhiều để thu lợi riêng. Theo đánh giá của Tổ chức minh bạch Quốc tế, chỉ số tham nhũng của Việt Nam đứng ở mức cao, năm 2016 đứng thứ 113/176 quốc gia được xếp hạng với điểm số 33/100 (điểm 100 là ít tham nhũng nhất). Ngân hàng Thế giới cũng đánh giá mức độ kiểm soát tham nhũng của Việt Nam ở mức thấp với 41,83/100 điểm năm 2016, đặc biệt điểm số này duy trì ở mức thấp khoảng 32-36/100 điểm trong suốt hơn 10 năm từ 2000- 2012.

- Việc thực thi pháp luật về cạnh tranh không tốt, trước hết là không xử lý được các trường hợp vi phạm quy định về tập trung kinh tế và thống lĩnh thị trường đang là trở ngại cho doanh nghiệp tư nhân vừa và nhỏ phát triển.

*Bốn là, môi trường đầu tư, kinh doanh dù đã có nhiều cải thiện nhưng chưa thực sự tạo thuận lợi và còn nhiều rào cản*

Thực tế này đã gây khó khăn cho hoạt động của khu vực kinh tế tư nhân. Thể chế hiện tại đang tạo ra rào cản cho hoạt động tự chủ của khu vực tư nhân (Báo cáo Việt Nam 2035). Theo báo cáo của Quỹ Di sản thế giới, chỉ số quyền tự do kinh doanh (business freedom) của Việt Nam trong giai đoạn 20 năm từ 1995-2015 không có sự gia tăng, ở mức khoảng 40/100 điểm. Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới, số thủ tục cần thiết để bắt đầu một hoạt động kinh doanh trung bình ở Việt Nam dao động trong khoảng 9- 11 thủ tục trong giai đoạn 2008- 2017 và không có nhiều sự cải thiện trong giai đoạn này, thậm chí còn có sự tăng lên trong giai đoạn 2013-2017 (10 thủ tục) so với giai đoạn 2011-2013 (9 thủ tục).

Kết cấu hạ tầng vẫn còn nhiều hạn chế đối với phát triển kinh tế nói chung và phát triển của khu vực kinh tế tư nhân nói riêng. Có những dấu hiệu cho thấy kết cấu hạ tầng có thể trở thành điểm nghẽn trong trung hạn. Kết nối hạ tầng giữa các cảng biển, đường bộ, hàng không và đường sắt thiếu đồng bộ. Chi phí vận chuyển

TRUNG TÂM THÔNG TIN – TƯ LIỆU 2017

ngày càng kém cạnh tranh khi quá phụ thuộc vào vận tải đường bộ trong khi vận tải đường sắt và đường thủy kém phát triển.

Kinh tế tư nhân luôn là khu vực gặp hạn chế nhất trong tiếp cận các nguồn lực cho hoạt động kinh doanh (thông tin, tài chính- tín dụng, tiếp cận nguồn nhân lực, tiếp cận đất đai, tiếp cận hạ tầng phục vụ sản xuất kinh doanh,...). Kết quả khảo sát PCI 2015 cho thấy, trung bình chỉ có 40% doanh nghiệp ngoài nhà nước quy mô siêu nhỏ tiếp cận được nguồn vốn ngân hàng, trong khi đó tỷ lệ này đối với doanh nghiệp nhỏ là 62%, doanh nghiệp vừa là 74% và doanh nghiệp lớn là 81%. Dữ liệu từ điều tra PCI trong giai đoạn 2010- 2015 cũng cho thấy khả năng tiếp cận vốn của các doanh nghiệp ngoài nhà nước không có nhiều cải thiện với tỷ lệ doanh nghiệp có thể tiếp cận chỉ tăng nhẹ 1-2 điểm phần trăm mỗi năm.

*Năm là, một số loại thị trường còn chậm phát triển, đặc biệt là thị trường các yếu tố đầu vào.*

Các thị trường cơ bản cho hoạt động kinh doanh còn phát triển ở mức độ thấp và chậm được cải thiện, cụ thể: Thị trường hàng hóa và dịch vụ (Theo Ngân hàng Thế giới, không có nhiều sự cải thiện về điểm số về hiệu quả của thị trường hàng hóa Việt Nam giai đoạn 2006- 2017, chỉ tăng 0,1 điểm từ 4,1/10 năm 2006 lên mức 4,2/10 năm 2017); Thị trường tài chính- tiền tệ (Theo Quỹ Di sản thế giới, chỉ số tự do tài chính của Việt Nam luôn nằm ở mức thấp, năm 2017 là 40/100, trong giai đoạn 1995-2015 chỉ số này duy trì ở mức 30/100 điểm); thị trường lao động (Theo Ngân hàng Thế giới, mức độ tự do của thị trường này năm 2017 chỉ ở mức 62,2/100 điểm, có sự sụt giảm liên tục từ năm 2014 từ mức 68,3/100); Thị trường khoa học- công nghệ (Theo Ngân hàng Thế giới, điểm số của các tổ chức khoa học Việt Nam dao động trong khoảng 3,1/10 – 3,8/10 trong giai đoạn 2006- 2017).

*Sáu là, quyền tài sản chưa thực sự được bảo đảm, quyền sở hữu trí tuệ chưa được bảo vệ một cách hiệu quả. Theo đánh giá của các tổ chức quốc tế, chỉ số quyền tài sản cũng như thứ hạng của Việt Nam rất thấp và chậm thay đổi, năm*

2016 là hạng 85/126 (Liên minh quyền tài sản), 158/178 (Quỹ di sản văn hóa và Tạp chí phổ Wall), 97/138 (Diễn đàn Kinh tế thế giới).

*Bảy là*, chi phí tuân thủ và chi phí kinh doanh cao ở hầu hết các giai đoạn của hoạt động kinh doanh từ đăng ký kinh doanh đến chi phí xây dựng cơ sở, chi phí cho hoạt động sản xuất kinh, chi phí cho kiểm định, phân phối, hải quan đến các chi phí thực hiện các thủ tục hành chính (nộp thuế, đóng bảo hiểm, tuân thủ tổ chức bộ máy vận hành. Theo Khảo sát về Môi trường kinh doanh” của [Ngân hàng](#) Thế giới năm 2017, Việt Nam có chi phí kinh doanh ở mức cao so với các nước trong cùng khu vực, thậm chí hơn cả Singapore hay Malaysia.

*Tám là*, chính sách cạnh tranh và bảo vệ sản xuất trong nước chưa hiệu quả. Còn có sự bất bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân với các doanh nghiệp nhà nước và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cũng như là giữa chính các doanh nghiệp trong khu vực tư nhân trong tiếp cận nguồn lực (Ví dụ, các doanh nghiệp nhà nước nắm giữ ước tính khoảng 70% diện tích mặt bằng sản xuất kinh doanh hoặc sự ưu đãi về thuế đối với các doanh nghiệp FDI như Samsung,...). Bên cạnh đó, chính sách chống buôn lậu và gian lận thương mại vận hành chưa hiệu quả ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của các hoạt động kinh doanh nói chung, trong đó khu vực kinh tế tư nhân chịu tác động lớn nhất.

### **3. Một số khuyến nghị chính sách giúp phát triển kinh tế tư nhân**

Trên cơ sở các giải pháp phát triển kinh tế tư nhân tại Nghị quyết Trung ương 5 khóa XII, Đề án đã cụ thể hóa và kiến nghị 07 nhóm giải pháp trọng tâm sau đây:

(1) Nghiên cứu, tiến tới thống nhất và đồng bộ hóa các quy định về hình thức tổ chức các cơ sở kinh doanh, trong đó các tổ chức kinh doanh sẽ chỉ còn các loại hình doanh nghiệp và cá nhân kinh doanh (loại bỏ hình thức hộ kinh doanh). Nghiên cứu của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương phối hợp với Dự án Sáng kiến hỗ trợ khu vực tư nhân vùng Mekong chỉ ra rằng, mặc dù đặc điểm của hộ kinh doanh do một cá nhân đứng ra làm chủ và doanh nghiệp

tư nhân và hộ kinh doanh do một nhóm người làm chủ và công ty hợp danh không có nhiều sự khác biệt, tuy nhiên, chính các chính sách được ban hành đã tạo ra sự khác biệt thực sự của các nhóm này.

(2) Khẩn trương ban hành và thực hiện có hiệu quả các quy định hướng dẫn Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa vừa được Quốc hội thông qua, trong đó chú trọng đến các hoạt động hỗ trợ đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ cao trong; hỗ trợ tăng cường khả năng tiếp cận các nguồn lực phát triển kinh doanh; hỗ trợ nâng cao khả năng tham gia các liên kết, chuỗi giá trị thông qua tăng cường năng lực sản xuất của các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực chế biến, chế tạo và hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp.

(3) Đẩy mạnh cải cách và cơ cấu lại DNNN thực chất và hiệu quả để tạo cơ hội phát triển cho kinh tế tư nhân như Nghị quyết số 12-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương 5 khóa XII. Khuyến khích hơn nữa kinh tế tư nhân tham gia góp vốn, mua cổ phần của các DNNN khi cổ phần hóa hoặc Nhà nước thoái vốn. Một số giải pháp cụ thể bao gồm:

- Giảm tỷ lệ cổ phần nhà nước xuống mức sàn theo quy định khi cổ phần hóa 137 doanh nghiệp đã xác định tại Quyết định 58/2016/QĐ-TTg.

- Tiếp tục thoái vốn để thúc đẩy đầu tư tư nhân vào doanh nghiệp cổ phần hóa, trước hết là doanh nghiệp đã niêm yết. Rà soát lại toàn bộ doanh nghiệp đã cổ phần hóa để lập phương án bán cổ phần nhà nước xuống mức sàn sở hữu đối với từng loại doanh nghiệp cần nắm giữ 65% và trên 50% vốn điều lệ. Đối với các doanh nghiệp đã cổ phần hóa khác, cần tiến hành bán toàn bộ cổ phần nhà nước hiện có cho các nhà đầu tư tư nhân.

- Sử dụng một tỷ lệ thích đáng vốn thu được từ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước cho các chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khu vực tư nhân.

- Tiếp tục rà soát, thu hẹp danh mục 100% vốn nhà nước để bổ sung thêm doanh nghiệp vào danh mục cổ phần hóa. Từ năm 2020 chỉ giữ hình thức công ty TNHH một thành viên 100% vốn nhà nước đối với một số DNNN thuần túy cung

cấp sản phẩm, dịch vụ công ích và khó thu hút đầu nhà đầu tư bên ngoài. Các doanh nghiệp còn lại đều có thể cổ phần hóa không phân biệt ngành, lĩnh vực hoạt động.

(4) Tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh trong đó có cải thiện về chỉ số tự do kinh doanh, giảm thủ tục hành chính không cần thiết đối với hoạt động kinh doanh. Phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng hiệu quả phục vụ tốt cho cộng đồng kinh doanh. Tạo điều kiện cho khu vực tư nhân có quyền bình đẳng trong việc tiếp cận các nguồn lực cho phát triển kinh doanh. Tăng cường bảo đảm quyền tài sản, quyền sở hữu trí tuệ một cách hiệu quả.

(5) Tiếp tục phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường để tạo môi trường tốt cho kinh tế tư nhân phát triển, bao gồm:

- Tiếp tục phát triển thị trường hàng hóa và dịch vụ, bao gồm cả xuất nhập khẩu, chú trọng đến tiêu chuẩn, chất lượng hàng hóa, thị trường dịch vụ có hàm lượng tri thức và công nghệ cao

- Tiếp tục phát triển thị trường tài chính- tiền tệ, thị trường chứng khoán, tăng cường tính độc lập của Ngân hàng nhà nước và các tổ chức tín dụng.

- Tiếp tục phát triển thị trường quyền sử dụng đất, bất động sản trên cơ sở phát triển thị trường sơ cấp, thứ cấp về quyền sử dụng đất; bảo đảm tính công khai, minh bạch, thực hiện cơ chế cho thuê đất dài hạn, góp vốn bằng đất thông qua hợp đồng hợp tác,... Quyền sử dụng đất phải được chính thức quy định là hàng hóa giao dịch trên thị trường.

- Tiếp tục phát triển thị trường khoa học- công nghệ, đổi mới, phát triển phù hợp với xu thế của “cách mạng công nghiệp 4.0”; có cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tăng cường đầu tư, hợp tác trong nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong sản xuất kinh doanh,...

- Phát triển thị trường lao động trên cơ sở đồng bộ, liên thông cả về quy mô, chất lượng; có cơ chế, chính sách định hướng đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu của thị trường; nâng cao chất lượng giáo dục- đào tạo; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức dịch vụ việc làm.

- Tăng cường khả năng tiếp cận của khu vực kinh tế tư nhân với các hợp đồng mua sắm công.

(6) Tiếp tục nâng cao hiệu quả, hiệu lực của quản lý nhà nước, xây dựng hệ thống chính quyền kiến tạo, phục vụ cộng đồng kinh doanh. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước với bộ máy tinh gọn, chuyên nghiệp và đội ngũ cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có tinh thần trách nhiệm và đạo đức công vụ cao.

Tăng cường hiệu lực, hiệu quả của công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra, trách nhiệm giải trình của các cơ quan có liên quan. Có các chế tài nghiêm khắc và cơ chế hiệu lực, hiệu quả thực thi các chế tài nhằm tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính. Ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động quản lý, giám sát đối với các hoạt động quản lý nhà nước.

Có các giải pháp hữu hiệu nhằm bảo vệ sản xuất trong nước trên cơ sở phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia. Có chiến lược đàm phán phù hợp để vừa tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tư nhân Việt Nam có điều kiện phát triển.

(7) Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp hữu hiệu nhằm giảm chi phí đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các chi phí liên quan đến xây dựng cơ sở sản xuất kinh doanh, đến hoạt động sản xuất kinh doanh (tiếp cận tín dụng, tiếp cận đất đai, các thông tin khác có liên quan); chi phí phân phối lưu thông và tiêu thụ sản phẩm và chi phí phi chính thức.

(8) Tăng cường vai trò của các tổ chức chính trị- xã hội, tổ chức xã hội- nghề nghiệp, hiệp hội ngành nghề. Có cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho hoạt động của các tổ chức chính trị- xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, hiệp hội ngành nghề

hoạt động đúng với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của mình là bảo vệ, hỗ trợ cho các thành viên phát triển.

(9) Ban hành quy định và chính sách khuyến hộ kinh doanh cá thể chuyển thành doanh nghiệp theo nguyên tắc thuận lợi nhất về thủ tục chuyển đổi; tối thiểu hóa chi phí tuân thủ phát sinh do chuyển đổi mô hình, trước hết là chi phí tuân thủ về tổ chức quản trị, về chế độ kế toán và về chi phí thuế. Hỗ trợ nâng cao năng lực của kinh tế tư nhân thông qua cơ chế khuyến khích áp dụng các mô hình quản lý, quản trị hiện đại, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn. Tăng cường hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ doanh nhân, tạo điều kiện hình thành những doanh nhân có năng lực, có đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm với cộng đồng, xã hội và giàu lòng yêu nước.